liáo tiān r

聊天儿

Verb · to chat (colloquial)

Example Sentence

wǒ men xǐ huan zài gōng yuán lǐ liáo tiān r
我 们 喜 欢 在 公 园 里 聊 天 儿。

We like to chat in the park.

Trace each character, then write the word on your own.

聊 聊 聊 聊 聊 聊 聊 聊 聊 聊 聊
聊 聊 聊

天 天 天 天 天 天 天

儿 儿 儿 儿 儿